TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Hường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Trân

Bà Nguyễn Hồng Xứng

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Ông Trương Văn Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2024/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 10 năm 2024 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc E**, sinh năm 2003

Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang

- *Bị đơn:* Ông **P, S,** sinh năm 1974

Địa chỉ: Lầu G, số E, Hẻm A, lộ T, khóm A, phường P, khu T, thành phố T, Đài Loan

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai bà Nguyễn Thị Ngọc E trình bày:

Năm 2024, bà và ông P, S quen biết nhau qua mai mối, quá trình tìm hiểu nảy sinh tình cảm và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang vào ngày 05/4/2024.

Sau kết hôn thì ông P, S sống cùng bà tại Việt Nam khoảng 01 tuần thì trở về Đài Loan hứa hẹn bảo lãnh bà sang đoàn tụ. Khi ông P, S về Đài Loan thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, ông S không bảo lãnh bà như đã hứa. Bà đã nhiều lần liên lạc nhưng không được, vợ chồng đã không liên lạc với nhau từ ngày 11/6/2024 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông P, S.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông P, S trình bày tại Bản tự khai (Hợp pháp hóa lãnh sự): Về quan hệ hôn nhân thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà Nguyễn Thị Ngọc E trình bày. Ông xác định hiện nay giữa ông và bà Ngọc E không còn tình cảm vợ chồng nên không thể đoàn tụ. Hiện nay ông đang làm việc và cư trú lâu dài tại Đài Loan nên không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với bà Nguyễn Thị Ngọc E. Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc E. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc E, bị đơn ông P, S đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Ngọc E và ông P, S.

[2]. Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Ngọc E và ông P, S tự quen biết, tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện U vào ngày 05/4/2024 nên là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên nhân yêu cầu ly hôn là bà Nguyễn Thị Ngọc E và ông P, S do không có nhiều thời gian chung sống vợ chồng, bất đồng ngôn ngữ nên ông bà đã không còn quan tâm liên lạc với nhau từ ngày 11/6/ 2024 đến nay. Hiện tại bà Nguyễn Thị Ngọc E và ông P, S xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau, bà E sống tại Việt Nam, ông S cư trú làm việc lâu dài tại Đài Loan nên ông bà thống nhất ly hôn.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc E và ông P, S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc E và ông P, S.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc E và ông P, S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc E phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu 0010202 ngày 18/10/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

[4]. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Áp dụng khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 7 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC.

Bà Nguyễn Thị Ngọc E phải chịu phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng, bà E đã nộp theo biên lai thu số 0005810 ngày 28/10/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc E

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc E được ly hôn với ông P, S.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc E phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai 0010202 ngày 18/10/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà Nguyễn Thị Ngọc E phải chịu phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng, bà Ngọc E đã nộp theo biên lai thu số 0005810 ngày 28/10/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5**.** Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc E có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được Tòa án niêm yết. Riêng ông P, S có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- UBND huyện U Minh Thượng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hường